

Số: 11/2025/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng G, sinh năm 1995

- Bị đơn: Anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1994

Cùng có địa chỉ: Tổ dân phố N, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 26; điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2025/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng G và bị đơn anh Triệu Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng G và anh Triệu Văn Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Triệu Bảo Đ1, sinh ngày 11/3/2019 (Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho chị Trần Thị Hồng G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Triệu Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng đối với cháu Triệu Bảo Đ1, sinh ngày 11/3/2019 với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của anh Triệu Văn Đ theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc thi hành án đối với khoản tiền này được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng G và anh Triệu Văn Đ mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của vụ án Hôn nhân gia đình. Ghi nhận việc chị Trần Thị Hồng G tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn để sung công quỹ Nhà nước. Số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0000122, ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Trần Thị Hồng G được hoàn trả số tiền còn lại là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bị đơn anh Triệu Văn Đ phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên (02b);
- Các đương sự (02b);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01b);
- UBND xã N (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Hoàng Út Lệ